

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2025

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG HAI VÀ 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

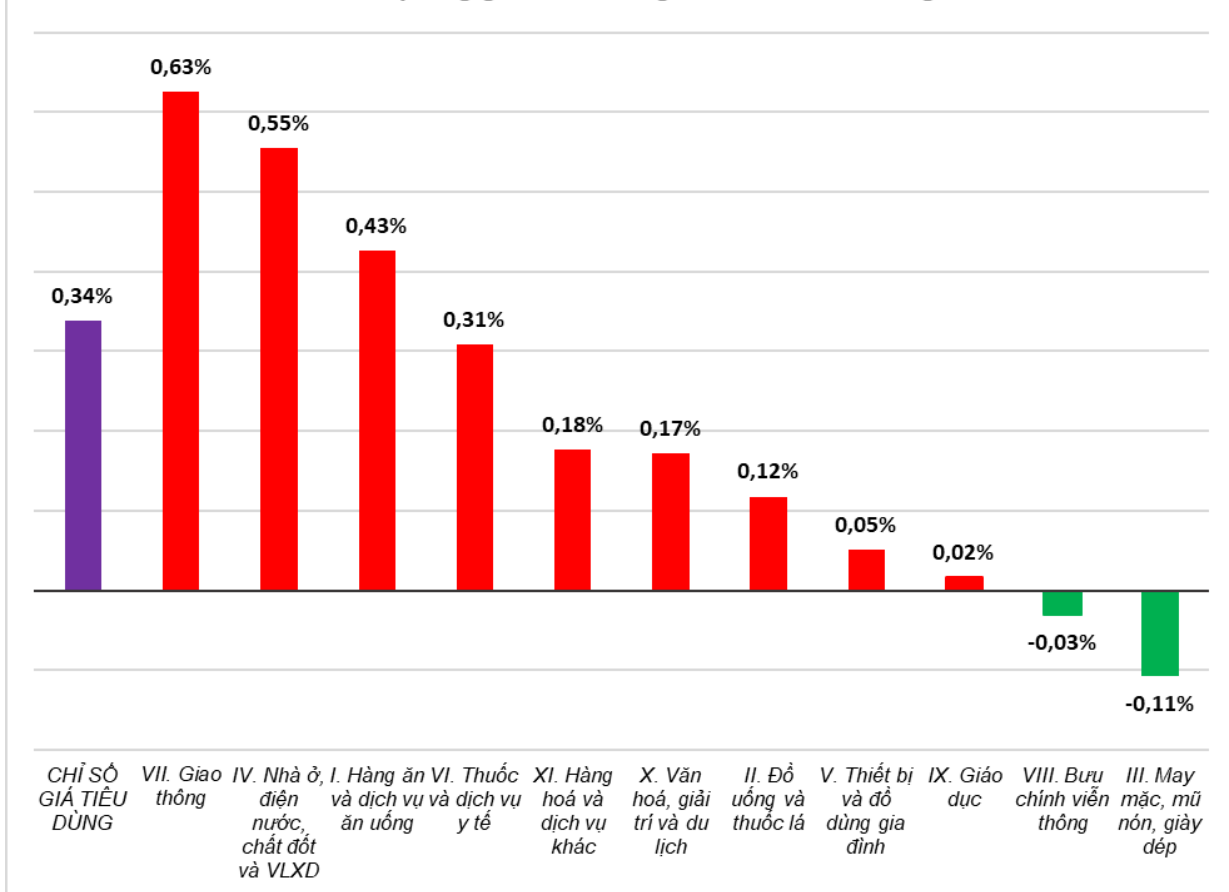
Giá thị trường tăng do thiếu hụt nguồn cung, giá ăn uống ngoài gia đình, giá nhà ở thuê và giá dịch vụ giao thông tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2025 tăng 0,34% so với tháng trước; tăng 1,32% so với tháng 12/2024 và tăng 2,91% so với cùng kỳ năm 2024.

Bình quân 02 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,97%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 02/2025

So với tháng trước, CPI tháng 02/2025 tăng 0,34% (khu vực thành thị tăng 0,39%; khu vực nông thôn tăng 0,28%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 09 nhóm hàng tăng giá, 02 nhóm hàng giảm giá.

Hình 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 02/2025 so với tháng trước



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 02/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,43%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 02/2025 tăng 0,43%, tác động làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm, trong đó nhóm thực phẩm tăng 0,41%, tác động tăng 0,09 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,75%, tác động tăng 0,06 điểm phần trăm; riêng nhóm lương thực giảm 0,24%, góp phần giảm 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,24%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 02/2025 giảm 0,24% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,54% (Gạo tẻ thường giảm 0,7%; gạo tẻ ngon giảm 0,1%). Giá gạo trong nước giảm do nhu cầu tiêu dùng gạo của người dân giảm sau Tết Nguyên đán, bên cạnh đó giá gạo xuất khẩu giảm do nguồn cung gạo thế giới tăng khi Ấn Độ quay lại thị trường xuất khẩu gạo sau hai năm hạn chế.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.300-18.900 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 21.100-23.800 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.500-24.700 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.200-41.400 đồng/kg.

1.2. Thực phẩm (+0,41%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 02/2025 tăng 0,41% do nhu cầu của người dân trong những ngày lễ đầu năm sau dịp Tết Nguyên đán tăng cao, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn tăng 1,74% so với tháng trước do ảnh hưởng của dịch bệnh, hậu quả của cơn bão số 3 năm 2024, nhiều trang trại chăn nuôi chưa thể tái đàn, người chăn nuôi đã tập trung xuất chuồng đồng loạt vào đúng dịp Tết Nguyên đán dẫn đến nguồn cung thịt lợn thiếu hụt. Tính đến ngày 28/02/2025, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 72.000-80.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật tăng 1,2%; nội tạng động vật tăng 0,86%; thịt quay, giò chả tăng 0,83%; thịt hộp tăng 0,79%.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến tăng 2,01% do nhu cầu tiêu dùng tăng vào các ngày Rằm tháng Giêng và các lễ, hội truyền thống sau Tết Nguyên đán Ất Ty. Trong đó, giá táo tăng 1,9%; chuối tăng 1,87%; quả có múi tăng 1,83%; xoài tăng 0,8%; quả tươi khác tăng 2,55%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống tăng 1,18%; thủy sản chế biến tăng 0,29%.

- Chỉ số giá nước mắm, nước chấm tăng 0,35%; các loại đậu và hạt tăng 0,2%; đồ gia vị tăng 0,19%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,17%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,11%; sữa, bơ, pho mát tăng 0,09%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 2,69%, trong đó giá cà chua giảm 11,94%; su hào giảm 8,26%; bắp cải giảm 7,06%; rau gia vị tươi, khô các loại giảm 2,77% do thời tiết thuận lợi nên nguồn cung dồi dào, phong phú.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,75%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 02/2025 tăng 0,75%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng trong các dịp lễ hội đầu năm, du xuân, họp mặt. Cùng với đó, giá nguyên liệu chế biến và chi phí nhân công cao sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đã đẩy giá ăn uống ngoài gia đình tăng. Trong đó, giá ăn ngoài gia đình tăng 0,74%; uống ngoài gia đình tăng 0,99%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,62%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 02/2025 tăng 0,12% do nhu cầu tiêu dùng trong các lễ hội đầu năm mới khiến giá rượu bia tăng 0,06%; thuốc hút tăng 0,22%; đồ uống không cồn tăng 0,07%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (-0,11%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 02/2025 giảm 0,11% do nhu cầu mua sắm quần áo, giày dép giảm sau dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giày dép giảm 0,24% so với tháng trước; quần áo may sẵn giảm 0,11%. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá vải các loại tăng 0,07%; may mặc khác tăng 0,06%; mũ nón tăng 0,12%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,14%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,55%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 02/2025 tăng 0,55%, tác động làm tăng CPI chung 0,1 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá thuê nhà tăng 0,8% do sau Tết Nguyên đán lượng lớn người lao động các tỉnh trở lại thành phố tìm việc và sinh viên quay lại trường học dẫn đến nhu cầu thuê nhà tăng cao. Bên cạnh đó, giá bất động sản ở mức cao khiến nhiều chủ hộ tăng giá thuê để phù hợp với giá trị tài sản. Theo đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,37%; giá dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,06%.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,09% do giá xi măng, giá thép tăng theo chi phí nguyên vật liệu đầu vào như than, giá phân bón, điện, chi phí nhân công tăng.

- Giá điện sinh hoạt tăng 0,38% so với tháng trước; giá nước sinh hoạt tăng 0,26%¹ do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Giá gas tăng 0,56% do từ ngày 01/02/2025, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 3.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 10 USD/tấn, ở mức 630 USD/tấn.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 02/2025 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 01/2025.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 02/2025 tăng 0,05% do chi phí nguyên nhiên vật liệu và vận chuyển tăng. Trong đó, giá đồ nhựa và cao su tăng 0,51%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,38%; đèn điện thấp sáng tăng 0,2%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,15%; bếp đun không dùng điện, ga và đồ điện cùng tăng 0,14%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,07%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,04%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,31%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 02/2025 tăng 0,31% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,36% do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, thời tiết miền Bắc chuyển sang nồm ẩm nên bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,21%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,17%; thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,1%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,04%.

7. Giao thông (+0,63%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 02/2025 tăng 0,63% làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, trong đó:

- Nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp đầu năm mới làm cho giá vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 61,99%; giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 25%; vận tải hành khách bằng taxi tăng 0,74%; vận tải hành khách đường bộ tăng 0,26% và vận tải hành khách bằng đường thủy tăng 0,08%.

- Chỉ số giá xăng tăng 0,61% so với tháng trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng trong nước.

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,23%; lốp, săm xe máy tăng 0,24%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,17% do nhu cầu mua săm và sửa chữa phương tiện tăng.

- Dịch vụ thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,49%; học phí lái xe tăng 0,41%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,32%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,07%.

- Ở chiều ngược lại, giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,08%; dịch vụ trông giữ xe giảm 0,2%; chỉ số giá dầu diezen giảm 1,7%.

8. Bưu chính, viễn thông (-0,03%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 02/2025 giảm 0,03%. Trong đó, phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,75%; máy điện thoại di động thông thường giảm 0,12%; máy điện thoại cố định giảm 0,04%. Ở chiều ngược lại, giá sửa chữa điện thoại tăng 0,5%; giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng tăng 0,29%.

9. Giáo dục (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 02/2025 tăng nhẹ 0,02% do giá văn phòng phẩm tăng như bút viết các loại tăng 0,3%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,37%; sản phẩm từ giấy tăng 0,1%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,17%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 02/2025 tăng 0,17%, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm hoa, cây cảnh tăng 3,27%; du lịch trọn gói tăng 0,25% do nhu cầu du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; khách sạn, nhà khách tăng 0,21%; sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,03%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 02/2025 tăng 0,18%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 4,32%; dịch vụ về cưới hỏi tăng 0,31%; máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân tăng 0,25%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,2%; đồng hồ đeo tay tăng 0,18%. Ở chiều ngược lại, dịch vụ cắt tóc, gội đầu giảm 0,28%; dịch vụ hành chính, pháp lý giảm 0,19%.

12. Chỉ số giá vàng (+4,72%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/02/2025, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.898,22 USD/ounce, tăng 6,92% so với tháng 01/2025. Trong tháng 02/2025, các tuyên bố về chính sách thuế của Mỹ dẫn đến lo ngại về chiến tranh thương mại leo thang. Điều này đã thúc đẩy nhu cầu đầu tư vào vàng như một tài sản an toàn. Cùng với đó, các ngân hàng trung ương tiếp tục mua vàng để đa dạng hóa dự trữ và bảo vệ tài sản trước biến động tiền tệ. Trong nước, nhu cầu mua sắm vàng lấy may trong ngày Thần Tài sau Tết Nguyên đán tăng làm chỉ số giá vàng tháng 02/2025 tăng 4,72% so với tháng trước; tăng 32,57% so với cùng kỳ năm trước; tăng 5,8% so với tháng 12/2024; bình quân 02 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 30,84%.

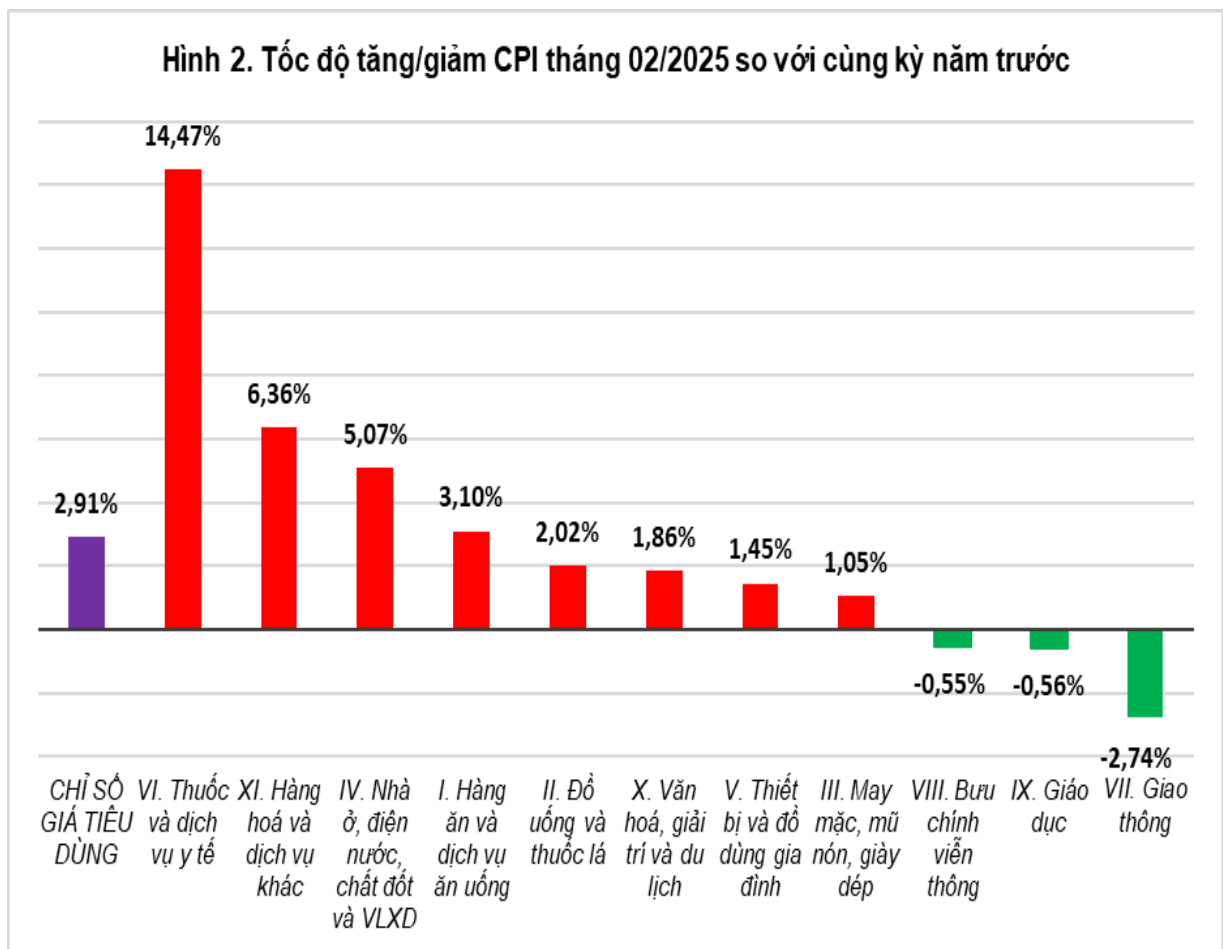
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,06%)

Tính đến ngày 28/02/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 107,31 điểm, giảm 1,16% so với tháng trước do lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ giảm và ảnh hưởng từ các chính thuế quan và căng thẳng thương mại từ Mỹ. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.548 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2025 giảm 0,06% so với tháng trước; tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,15% so với tháng 12/2024; bình quân 02 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,75%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Hai từ năm 2021 đến năm 2025*Đơn vị tính: %*

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
CPI tháng 2 so với tháng trước	1,52	1,00	0,45	1,04	0,34
CPI tháng 2 so với cùng kỳ năm trước	0,70	1,42	4,31	3,98	2,91
CPI tháng 2 so với tháng 12 năm trước	1,58	1,20	0,97	1,35	1,32
CPI bình quân 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	- 0,14	1,68	4,60	3,67	3,27

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 02/2025 tăng 2,91%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 08 nhóm tăng giá và 03 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 02/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 14,47%, làm CPI chung tăng 0,78 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,36%, tác động làm CPI chung tăng 0,22 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,26%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 3,75%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,58%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,53%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,07%, tác động làm CPI chung tăng 0,95 điểm phần trăm. Trong đó, nhà ở thuê tăng 6,35% do nhu cầu thuê chung cư, nhà trọ tăng, ngoài ra giá bất động sản tăng cao thời gian qua đã khiến các hộ kinh doanh cho thuê nhà tăng giá để phù hợp với chi phí đầu tư; điện sinh hoạt tăng 5,18%; nước sinh hoạt tăng 2,49%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,24%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 1,96%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,1% làm CPI chung tăng 1,04 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 1,1%; thực phẩm tăng 3,21%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,68%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,02%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,86% làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,45%, tác động làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 3,58%; đồ nhựa và cao su tăng 2,39%; giường, tủ, bàn ghế tăng 2,28%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,05%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 4,26%; dịch vụ may mặc tăng 2,73%; mũ nón tăng 1,91%; vải các loại tăng 1,84%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 02/2025 giảm so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giao thông giảm 2,74%, góp phần làm CPI chung giảm 0,27 điểm phần trăm, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 26,87% so với cùng kỳ năm trước do tháng 02/2024 là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nhu cầu đi lại tăng cao làm cho giá vé tàu hỏa tăng²; giá xăng, dầu giảm 9,93% và ô tô giảm 1,3%.

² Chỉ số giá vận tải hành khách bằng đường sắt tháng 02/2024 tăng 151,75% so với tháng trước.

- Nhóm giáo dục giảm 0,56%, góp phần làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,55%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2024, CPI tháng Hai tăng 1,32%, trong đó có 9 nhóm hàng tăng giá và 2 nhóm giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 9,81% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế và một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá khi thời tiết chuyển mùa nồm ẩm tại một số địa phương miền Bắc.

- Nhóm giao thông tháng 02/2025 tăng 1,58% so với tháng 12/2024, trong đó chỉ số giá xăng dầu tăng 2,64% do từ tháng 01/2025 đến nay, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh đã làm cho giá xăng A95 tăng 640 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 840 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 320 đồng/lít.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,16% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,91% chủ yếu do giá thép tăng khi giá phôi thép, thép thành phẩm tăng, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 1,65% và vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 0,26%.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 0,81% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,69% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng thế giới; các dịch vụ về cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,45% do nhu cầu mua sắm và du xuân tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,36% do giá một số mặt hàng tăng do nhu cầu sử dụng tăng vào dịp Tết.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,27%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 0,76%; may mặc khác tăng 0,71%; dịch vụ giày dép tăng 0,62%.

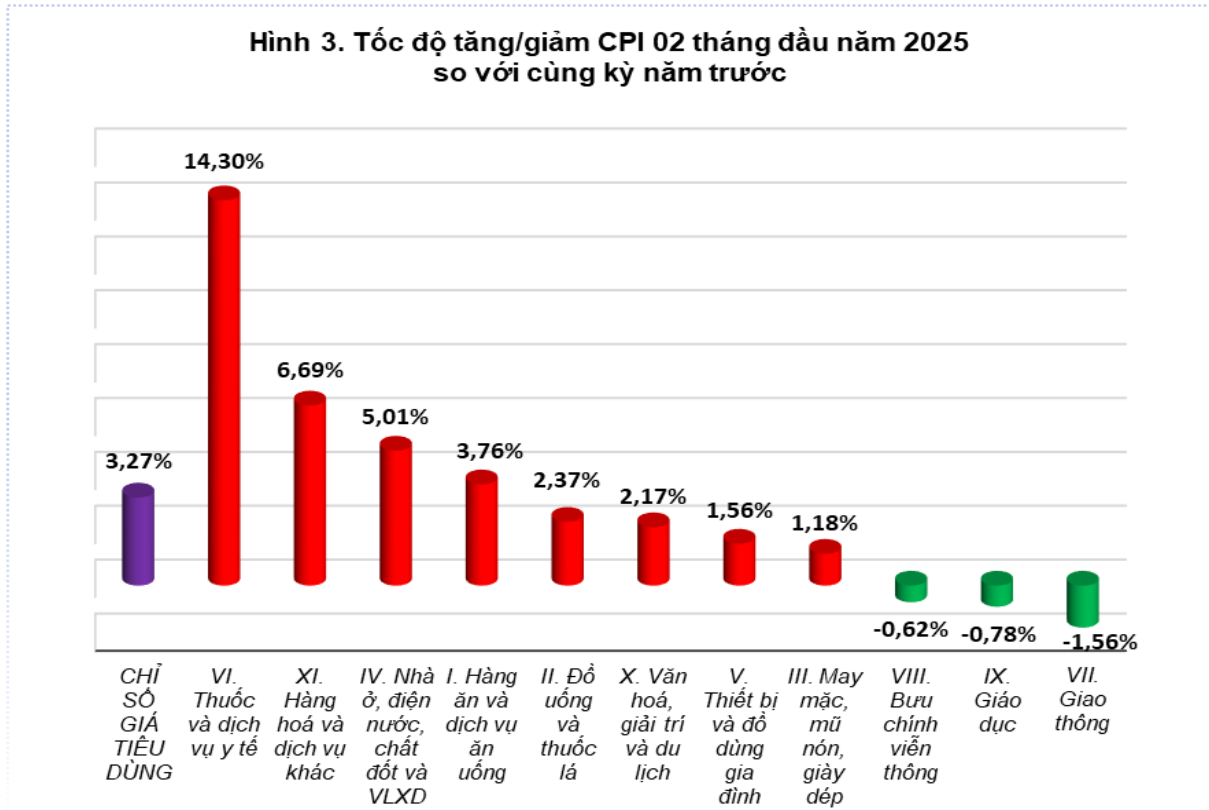
Ở chiều ngược lại, có 2 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,15% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

- Nhóm giáo dục giảm 0,02% so với tháng 12/2024 do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 02 tháng đầu năm 2025 tăng 3,27% so với cùng kỳ năm 2024.



1. Các yếu tố làm tăng CPI trong 02 tháng đầu năm 2025

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,76%, góp phần làm CPI chung tăng 1,26 điểm phần trăm, trong đó chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 10,76% do thiếu hụt nguồn cung trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,36 điểm phần trăm; chỉ số giá gạo tăng 1,65%, tác động làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm; chỉ số giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,99%.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,01% do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá nhà thuê tăng, làm CPI chung tăng 0,94 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 5,39% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với từ ngày 11/10/2024, EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, góp phần làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao với 14,3%, làm CPI chung tăng 0,77 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,17%, góp phần làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.

2. Các yếu tố làm giảm CPI trong 02 tháng đầu năm 2025

- Chỉ số nhóm giao thông giảm 1,56%, góp phần làm CPI chung giảm 0,15 điểm phần trăm, trong đó giá xăng, dầu giảm 7,63%; giá ô tô giảm 0,89%.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục giảm 0,78%, góp phần làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm, do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

- Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,62%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đã được tung ra thị trường một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 02/2025 tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 2,87% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 02 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 2,97% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,27%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Hai và 02 tháng từ năm 2021 đến năm 2025

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Lạm phát cơ bản tháng 02 so với tháng trước	0,48	0,49	0,25	0,49	0,30
Lạm phát cơ bản tháng 02 so với cùng kỳ năm trước	0,79	0,68	4,96	2,96	2,87
Lạm phát cơ bản 02 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	0,64	0,67	5,08	2,84	2,97

CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.